

Số: 286/2022/DS-PT

Ngày: 28/7/2022

V/v: “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

-Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Chí Anh

Các Thẩm phán: Bà Đặng Mạnh Cẩm Yến

Bà Nguyễn Thu Hồng -

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Lan, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: Ông Lê Đức Phương - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 275/2021/TLPT-DS ngày 07 tháng 7 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2021/DSST, ngày 27/01/2021 của Tòa án nhân dân quận CG, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 211/2022/QĐ - PT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội và các Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển N;

Địa chỉ: Số 02 LH, phường TC, quận BD, thành phố HN.

Chi nhánh thực hiện việc khởi kiện: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển N – Chi nhánh TY

Địa chỉ: Tầng 1,2,3 Tòa nhà DF số 48 LVL, phường NC, quận TX, thành phố HN.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T – Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Mai P – Giám đốc chi nhánh TY; bà P ủy quyền lại cho ông Đỗ Văn T, ông Phạm Hồng S – Đều là Phó Giám đốc chi nhánh TY; ông T có mặt, ông S vắng mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1980; (có mặt tại phiên tòa)

Địa chỉ: Số 5 tổ 48 (Nay là số 26 tổ 12) phường H, quận CG, thành phố HN.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông L là: ông Lê Viết P – Luật sư Công ty Luật TNHH HV , Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội; (có mặt tại phiên tòa).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lê Thị T , sinh năm 1982
2. Anh Nguyễn Hoàng L , sinh năm 2005
3. Chị Nguyễn Ngọc Q , sinh năm 2007

Địa chỉ: Số 5 tổ 48 (Nay là số 26 tổ 12) phường H, quận CG , thành phố HN.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - Ngân hàng nông nghiệp và phát triển N (gọi tắt là A) và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 09/06/2011, ông Nguyễn Văn L với Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển N (A) - chi nhánh TY và đã ký Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 1302LAV2011000312/HĐTD, để vay số tiền: 3.200.000.000 đồng (*Ba tỉ hai trăm triệu đồng*); Mục đích: mua đất ở; Thời hạn vay: 12 tháng; Lãi suất: 21,6% năm cố định cho cả kỳ vay; Lãi suất nợ quá hạn tối đa 150% lãi suất vay đã thỏa thuận. Sau khi ký Hợp đồng tín dụng, A đã giải ngân cho ông Nguyễn Văn L 4 lần vào các ngày: Ngày 09/6/2011 giải ngân số tiền 2.500.000.000 đồng; ngày 16/6/2011 giải ngân số tiền 200.000.000 đồng; ngày 17/6/2011 giải ngân số tiền 400.000.000 đồng và ngày 20/6/2011 giải ngân số tiền 100.000.000 đồng.

Để đảm bảo cho khoản vay, ngày 20/5/2011 ông Nguyễn Văn L , bà Lê Thị T đã tự nguyện thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất (có tài sản gắn liền) tại thửa đất 109(1P), tờ bản đồ 19, có địa chỉ số 5 tổ 48, phường H, quận CG , thành phố HN, với diện tích đất ở: 49,5 m² và nhà ở 01 tầng diện tích xây dựng 20,0 m², đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 583068; sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 02/QĐ/UBND.2007 do UBND quận CG cấp ngày 03/01/2007 mang tên ông Nguyễn Văn L và bà Lê Thị T . Hợp đồng thế chấp tài sản được công chứng tại Phòng công chứng số 4 thành phố Hà Nội, số công chứng 2689.2011/HĐTC-Quyền số: 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20/05/2011.

Trong quá trình vay, ngày 11/10/2012 ông L đã trả được 48.200.000 đồng tiền nợ gốc và 1.764.150 đồng tiền nợ lãi. Kể từ đó đến nay, ông L không trả thêm khoản tiền nợ nào.

Ngày 11/06/2012 là đến ngày hạn trả khoản vay theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng, ông L nhiều lần cam kết sẽ thanh toán toàn bộ gốc và lãi cho A, trong trường hợp không thanh toán được ông L sẽ bàn giao tài sản thế chấp cho A toàn quyền xử lý. Tuy nhiên đến thời điểm hiện tại ông L vẫn không trả nợ và không bàn

giao tài sản cho Ngân hàng theo cam kết mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ và làm việc trực tiếp với ông L. Khoản nợ đã bị chuyển nợ quá hạn và áp dụng lãi suất nợ quá hạn từ ngày 12/06/2012.

Ngày 29/6/2020 A có Đơn khởi kiện đến Tòa án đề nghị giải quyết những vấn đề sau đây đối với bị đơn là ông Nguyễn Văn L :

- Buộc ông Nguyễn Văn L có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số nợ gốc và lãi vay phát sinh theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn 1302LAV2011000312/HĐTD ngày 09/06/2011. Tổng số tiền ông Nguyễn Văn L phải trả cho Ngân hàng tạm tính đến ngày 25/01/2021 là 10.241.870.446 đồng (trong đó: nợ gốc là 3.151.800.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 4.749.009.708 đồng, lãi quá hạn 2.341.708 đồng).

- Trong trường hợp ông Nguyễn Văn L không thanh toán được nợ cho Ngân hàng, thì Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp số công chứng 2689.2011/HĐTC-Quyền số: 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20/05/2011 tại Phòng công chứng số 4 thành phố Hà Nội đã đăng ký thế chấp tại Văn phòng Đăng ký đất và nhà quận CG.

- Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ nghĩa vụ trả nợ, ông Nguyễn Văn L vẫn phải tiếp tục có nghĩa vụ trả số nợ còn lại cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Ngoài những nội dung trên, nguyên đơn không có yêu cầu nào khác.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Nguyễn Văn L trình bày:

Ông L xác nhận có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển N Hợp đồng tín dụng ngắn hạn 1302LAV2011000312/HĐTD ngày 09/06/2011. Theo hợp đồng tín dụng trên, ông Nguyễn Văn L đã vay là 3,2 tỷ đồng (*Ba tỉ hai trăm triệu đồng*); quá trình vay ông chỉ làm thủ tục cho chị gái vay thực chất ông không cầm tiền, sau đó chị gái cho chị Phạm Thị Thanh Hà là cán bộ tín dụng vay lại số tiền 2,2 tỷ đồng, khi chị Hà và chị gái ông không trả được tiền Ngân hàng thông báo thì ông mới biết nhà ông bị vay 3,2 tỷ đồng và hiện nay ông cũng không biết chị gái và chị Hà đang ở đâu và ông sẽ giải quyết với các chị sau.

Nguồn gốc tài sản thế chấp là do ông L nhận chuyển nhượng từ anh Lương Mạnh Đ và chị Đặng Thị T theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 12/05/2011, số công chứng 1615/2011, quyền số 04 TP/CC-SCC/HĐCN. Tổng diện tích đất là 49,5m². Sau đó, ông L làm thủ tục và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 583068; MS: 10113150696 số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 02/QĐ/UBND.2007 do UBND Quận CG cấp ngày 03/01/2007 mang tên ông Nguyễn Văn L và bà Lê Thị T. Cuối năm 2007, đầu năm 2008, ông L xây nhà

02 tầng. Năm 2011, ông L , bà T thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho Ngân hàng như trên.

Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, ông L có ý kiến: Do kinh tế khó khăn nên ông L chưa trả được nợ cho Ngân hàng và ông L cũng không biết được hậu quả của việc không trả được nợ là phải phát mại tài sản. Nếu Ngân hàng phát mại tài sản trên thì ông L cũng không có ý kiến gì và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Ông L không đưa ra được phương án hoà giải vì không có điều kiện kinh tế.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị T, trình bày:

Bà T là vợ của ông L và đang sống cùng chồng và hai con. Đối với việc ông L vay tiền Ngân hàng và dùng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất mà gia đình đang ở để thế chấp bà T có được biết nhưng nội dung cụ thể không rõ.

Về nguồn gốc đất là do ông L mua từ anh Đ , chị T , cuối năm 2007, đầu năm 2008 nhà được xây 02 tầng. Gia đình chị gồm 04 người sinh sống ổn định từ thời gian đó đến nay. Nay Ngân hàng khởi kiện, bà T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản án sơ thẩm số 02/2021/DSST ngày 27/01/2021 của Tòa án nhân dân quận CG , thành phố Hà Nội đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển N đối với ông Nguyễn Văn L về tranh chấp Hợp đồng tín dụng số 1302LAV2011000312/HĐTD ngày 09/06/2011 đã ký giữa Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển N với ông Nguyễn Văn L .

2. Buộc ông Nguyễn Văn L phải trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển N theo Hợp đồng tín dụng số 1302LAV2011000312/HĐTD ngày 09/06/2011 với tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 25/01/2021 là 10.241.870.446 đồng (trong đó: nợ gốc là 3.151.800.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 4.749.009.708 đồng, lãi quá hạn 2.341.708 đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nếu ông Nguyễn Văn L không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất có tài sản gắn liền với đất) tại thửa đất 109(1P), tờ bản đồ 19, có địa chỉ số 5 tổ 48, phường H, quận CG , thành phố HN với diện tích đất ở: 49,5 m² và nhà ở 02 tầng diện tích xây dựng 55,0m² gắn liền với đất theo hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 2689.2011/HĐTC-Quyển số: 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20/05/2011 tại Phòng công chứng số 4 thành phố Hà Nội. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 583068; MS: 10113150696 số vào sổ cấp giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất: 02/QĐ/UBND.2007 do UBND Quận CG cấp ngày 03/01/2007 mang tên ông Nguyễn Văn L và bà Lê Thị T .

.....

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các bên đương sự.

Không đồng ý với quyết định bản án sơ thẩm, **ngày 02/02/2021**, bị đơn ông Nguyễn Văn L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện

Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Người đại diện theo ủy quyền của A trình bày: A giữ nguyên yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn L trả số tiền nợ gốc là 3.151.800.000 đồng; đối với tiền nợ lãi, A miễn toàn bộ phần lãi quá hạn cho ông L , và chỉ tính lãi trong hạn với mức lãi suất là 4,86% trong suốt quá trình vay, do đó tính đến ngày 28.7.2022 chỉ buộc ông L phải trả khoản lãi trong hạn là 1.588.948.465 đồng; tổng số tiền ông L phải thanh toán cho A (tính đến ngày 28/7/2022) là: 4.740.748.465 đồng.

- Luật sư trình bày luận cứ và các căn cứ kháng cáo và cho rằng Bản án sơ thẩm chưa xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ dẫn đến vi phạm quyền và lợi ích hợp pháp của ông L . Ông L làm hồ sơ vay vốn dựa trên việc mượn tài sản của chị gái ông L . Việc định giá giá trị tài sản của ông L là quá cao lên đến 4,2 tỷ để cho ông L vay 3,2 tỷ; Phương án vay vốn ông L không xây dựng mà hoàn toàn do Ngân hàng tự xây dựng nên; Nguồn để trả nợ là quyền sử dụng đất không có thật; Tài sản trong phương án trả lãi đứng tên ông L cũng không có; Hợp đồng thuê xe cũng không có; mức lương của ông L với số tiền 25 triệu cũng không có thật, hoàn toàn do Ngân hàng tạo dựng nên, dẫn đến khoản vay của ông L lên đến 3,2 tỷ. Đề nghị HĐXX đưa bà H , ông T vào tham gia tố tụng, ông L không trực tiếp nhận tiền mà Ngân hàng thực tế giải ngân cho người khác; Quá trình xem xét thẩm định tại chỗ, diện tích xây dựng nhà ông L có phần bị chồng lấn sang thửa đất bên cạnh, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa những người bên cạnh đó vào là người liên quan trong vụ án, do đó dẫn đến bản án không thể thi hành được. Đề nghị HĐXX xem xét trách nhiệm của những người dẫn đến việc cho ông L vay tiền dẫn đến thất thoát tiền của Nhà nước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về nội dung: Sau khi phân tích đánh giá thấy rằng kháng cáo của bị đơn không có cơ sở để chấp nhận; tuy nhiên tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của A đã rút

toàn bộ phần lãi quá hạn, chỉ yêu cầu bị đơn trả toàn bộ số nợ gốc và đối với phần lãi trong hạn chỉ tính 4,68% trong cả thời hạn vay; xét thấy việc rút yêu cầu khởi kiện đối với phần lãi quá hạn và một phần nợ lãi trong hạn của A là tự nguyện, không xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bên thứ ba và phù hợp với quy định của pháp luật, do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận, sửa án sơ thẩm về phần này và phần án phí sơ thẩm cho phù hợp với yêu cầu khởi kiện của A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

- Cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền.
- Bị đơn ông Nguyễn Văn L có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên kháng cáo được xác định là hợp lệ về hình thức.

2. Về Nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn L , Hội đồng xét xử xét thấy:

2.1. Về tính hợp pháp của Hợp đồng tín dụng số 1302-LAV-201100312/HĐTD:

Ngày 09/6/2011 ông Nguyễn Văn L đã ký hợp đồng tín dụng số 1302-LAV-201100312/HĐTD với Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển NTY, để vay số tiền 3.200.000.000 đồng, mục đích vay là mua đất ở, thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày 09/6/2011.

Xét Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa người đại diện có thẩm quyền của A (là tổ chức tín dụng – Ngân hàng được thành lập hợp pháp theo quy định của pháp luật) với ông Nguyễn Văn L là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, trên cơ sở tự nguyện, Hợp đồng có nội dung và hình thức không trái quy định pháp luật và đạo đức xã hội.

Sau khi ký hợp đồng tín dụng, A đã giải ngân khoản vay bằng tiền mặt và ông L đã nhận đủ số tiền vay 3.200.000.000 đồng, đã ký và các *Giấy lĩnh tiền mặt* và *Giấy nhận nợ* cho từng lần nhận tiền vào các ngày 09, 16, 17 và 20 tháng 6 năm 2011.

Như vậy có đủ căn cứ để xác định Hợp đồng tín dụng số 1302-LAV-201100312/HĐTD phù hợp với quy định tại các Điều 123, 124, 471 Bộ luật dân sự năm 2005.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn là ông Nguyễn Văn L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, cụ thể đến ngày 11/10/2012, ông L mới chỉ thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là 49.964.150 đồng (trong đó: 48.200.000 đồng tiền nợ gốc và 1.764.150 đồng tiền nợ lãi), nên A khởi kiện và yêu cầu bị đơn phải trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 1302-LAV-201100312/HĐTD là có cơ sở.

2.2 Theo đơn kháng cáo và các lời khai tại cấp phúc thẩm, ông L trình bày và cho rằng, Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông L là bị đơn duy nhất trong vụ án là không đúng quy định của pháp luật. Ông L đề nghị đưa bà Phạm Thị Thanh H và bà Nguyễn Thị T vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án, với lý do thực tế bà H, bà T mới là người nhận tiền vay của Ngân hàng chứ không phải ông L. Với trình bày này, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Theo như phân tích mục 2.1 nêu trên có cơ sở để xác định, sau khi ký Hợp đồng tín dụng số 1302-LAV-201100312/HĐTD, ông L đã nhận đủ số tiền vay là 3.200.000.000 đồng và đã ký xác nhận vào các Giấy nhận nợ, Giấy lĩnh tiền mặt trong các ngày 09, 16, 17 và 20 tháng 6 năm 2011, cụ thể số tiền nhận của mỗi lần như sau:

- Ngày 09/6/2011 ông L nhận số tiền 2.500.000.000 đồng
- Ngày 16/6/2011 ông L nhận số tiền 200.000.000 đồng
- Ngày 17/6/2011 ông L nhận số tiền 400.000.000 đồng
- Ngày 20/6/2011 ông L nhận số tiền 100.000.000 đồng

Tổng số tiền đã nhận trong các ngày là 3.200.000.000 đồng.

Theo trình bày của ông L cho rằng trên thực tế người nhận số tiền nêu trên là bà Nguyễn Thị T (chị gái của ông L), bà Phạm Thị H – Phó Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển N chi nhánh TY, tuy nhiên theo lời khai của đại diện theo ủy quyền của A tại phiên tòa thì không có ai tên là Phạm Thị H từng làm Phó Giám đốc tại A chi nhánh TY.

Bên cạnh đó, trong phạm vi vụ án này A khởi kiện đối với ông L trên cơ sở ông L vi phạm Hợp đồng tín dụng số 1302-LAV-201100312/HĐTD ngày 09/6/2011 ký giữa hai bên, do đó căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị đơn là ông Nguyễn Văn L là đúng quy định của pháp luật. Đối với quan hệ tranh chấp về việc giao nhận hay vay nợ tiền giữa ông L với bà Thiện, bà H (nếu có) không liên quan đến việc giải quyết vụ án này, Ông L có quyền khởi kiện đối với những người này trong vụ án dân sự khác nếu có căn cứ.

2.3. Đối với yêu cầu tuyên bố Hợp đồng tín dụng vô hiệu do Ngân hàng là bên lập không toàn bộ hồ sơ tín dụng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ theo hồ sơ cấp tín dụng, hồ sơ vay vốn của ông L gồm: Giấy đề nghị vay vốn, phương án vay vốn cùng ngày 18/5/2011, Biên bản kiểm tra sau khi vay..., ngoài ra còn một số giấy tờ khác. Các văn bản này đều có chữ ký của ông L. Ông L là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, không bị cưỡng ép, đe dọa hoặc lừa dối, mà tự mình ký vào các giấy tờ nêu trên. Nay ông L trình bày những giấy tờ, văn bản trong hồ sơ cấp tín dụng đều do bà H là lãnh đạo Ngân hàng lập không để Ngân hàng ký Hợp đồng tín dụng và giải ngân tiền vay, tuy nhiên, ông L trong xuất trình được tài

liệu chứng cứ chứng minh cho những trình bày của ông là có căn cứ do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét.

Ngoài ra, hành vi làm giả mạo giấy tờ vay vốn của Ngân hàng (nếu có) là hành vi vi phạm pháp luật hình sự và sẽ bị truy tố trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên cho đến thời điểm này, chưa cơ quan có thẩm quyền nào có quyết định hoặc đưa ra kết luận về việc truy tố, xem xét hành vi giả mạo giấy tờ vay vốn của A. Ông L cũng chưa từng làm đơn về việc này đến cơ quan Công an có thẩm quyền, do đó những trình bày của ông L là không có căn cứ.

Trong phạm vi giải quyết của vụ án này, như đã phân tích tại Điều 2.1 nêu trên thì Hợp đồng tín dụng số 1302-LAV-201100312/HĐTD giữa A và ông L là hợp pháp và có hiệu lực đối với các bên tham gia ký kết, quyền và nghĩa vụ cũng như hậu quả pháp lý được quy định trong hợp đồng các bên đều phải thực hiện và tuân thủ.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án xác định, quá trình thực hiện hợp đồng ông L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, cụ thể đến ngày 11/10/2012, ông L mới chỉ thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là 49.964.150 đồng (trong đó: 48.200.000 đồng tiền nợ gốc và 1.764.150 đồng tiền nợ lãi). Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên buộc ông L có nghĩa vụ thanh toán cho A số tiền tạm tính đến ngày 25/01/2021 là 10.241.870.446 đồng (trong đó: nợ gốc là 3.151.800.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 4.749.009.708 đồng, lãi quá hạn 2.341.708 đồng) là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn L trả số tiền nợ gốc là 3.151.800.000 đồng; đối với tiền nợ lãi, A miễn toàn bộ phần nợ lãi quá hạn cho ông L, và chỉ tính lãi trong hạn với mức lãi suất là 4,86% trong suốt quá trình vay, do đó tính đến ngày 28/7/2022 buộc ông L phải thanh toán khoản lãi trong hạn là 1.588.948.465 đồng; tổng số tiền ông L phải thanh toán cho A (tính đến ngày 28/7/2022) là: **4.740.748.465 đồng.**

Xét thấy, việc A miễn toàn bộ phần lãi quá hạn và giảm một phần mức lãi trong hạn cho ông L nằm trong phạm vi khởi kiện của A, yêu cầu này phù hợp với quy định của pháp luật, thể hiện chính sách nhân văn của A nên được chấp nhận, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy cần sửa bản án sơ thẩm về phần này và điều chỉnh lại phần án phí sơ thẩm cho phù hợp với quy định của pháp luật.

2.4. Xét tính hợp pháp của Hợp đồng thế chấp

Để đảm bảo cho khoản vay, ngày 20/5/2011 ông Nguyễn Văn L và vợ là bà Lê Thị T đã tự nguyện thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất (có tài sản gắn liền) tại thửa đất 109(1P), tờ bản đồ 19, có địa chỉ số 5 tổ 48, phường H, quận CG, thành phố Hà Nội, với diện tích đất ở: 49,5 m² và nhà ở 01 tầng diện tích xây dựng 20,0 m², đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 583068; số vào sổ cấp Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất: 02/QĐ/UBND.2007 do UBND quận CG cấp ngày 03/01/2007 mang tên ông Nguyễn Văn L và bà Lê Thị T. Hợp đồng thế chấp tài sản được công chứng tại Phòng công chứng số 4 thành phố Hà Nội, số công chứng 2689.2011/HĐTC-Quyển số: 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20/05/2011. Tài sản đã được đăng ký tài sản bảo đảm đúng theo quy định của pháp luật. Do đó có cơ sở để xác định Hợp đồng thế chấp đúng về hình thức, trình tự, thủ tục đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định tại các Điều 342, 343 và 715 BLDS 2005, Khoản 7 Điều 113, Điều 130 Luật đất đai năm 2003 và nghị định 163 về giao dịch bảo đảm.

Do đó Tòa án cấp sơ thẩm xác trong trường hợp ông L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

3. Về án phí: Ông L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tính trên khoản nợ phải thanh toán cho A được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận, là:

$112.000.000 + 0.1\% \times (4.740.748.465 - 4.000.000.000) = 112.740.748$ đồng

- Về án phí phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị sửa nên ông L không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 342, Điều 343, Điều 351, Điều 355, Điều 471, Điều 474, Điều 476 Bộ luật dân sự 2005.

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

Sửa một phần bản án sơ thẩm số 02/2021/DSST ngày 27/01/2021 của Tòa án nhân dân quận CG, thành phố Hà Nội, cụ thể:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển N đối với ông Nguyễn Văn L về tranh chấp Hợp đồng tín dụng số 1302LAV2011000312/HĐTD ngày 09/06/2011 đã ký giữa Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển N với ông Nguyễn Văn L.

2. Buộc ông Nguyễn Văn L phải trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển N theo Hợp đồng tín dụng số 1302LAV2011000312/HĐTD ngày 09/06/2011 với tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 28/7/2022 là: 4.740.748.465 đồng (trong đó: nợ gốc

là 3.151.800.000 đồng; nợ lãi trong hạn là: 1.588.948.465 đồng); miễn toàn bộ nợ lãi quá hạn.

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nếu ông Nguyễn Văn L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện không đầy đủ, thì Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất có tài sản gắn liền với đất) tại thửa đất 109(1P), tờ bản đồ 19, có địa chỉ số 5 tổ 48, phường H, quận CG, thành phố Hà Nội với diện tích đất ở: 49,5 m² và nhà ở 02 tầng diện tích xây dựng 55,0 m² gắn liền với đất theo hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 2689.2011/HĐTC-Quyền số: 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20/05/2011 tại Phòng công chứng số 4 thành phố Hà Nội. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 583068; MS: 10113150696 số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 02/QĐ/UBND.2007 do UBND Quận CG cấp ngày 03/01/2007 mang tên ông Nguyễn Văn L và bà Lê Thị T.

Trong trường hợp phải xử lý tài sản nêu trên, những người sinh sống, cư trú trên nhà đất trên phải có trách nhiệm bàn giao tài sản đảm bảo cho Cơ quan thi hành án có thẩm quyền để thi hành án theo quy định pháp luật.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp được dùng để thực hiện nghĩa vụ trả nợ của ông Nguyễn Văn L đối với Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển N. Trường hợp số tiền thu được không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông Nguyễn Văn L vẫn phải có nghĩa vụ thanh toán tiếp cho đến khi trả hết số tiền còn nợ cho Ngân hàng. Trường hợp số tiền phát mại tài sản thu được nhiều hơn số tiền phải thanh toán thì được trả lại cho ông Nguyễn Văn L và bà Lê Thị T sau khi trừ hết các khoản nợ.

Kể từ ngày kê tiếp sau ngày xét xử phúc thẩm ông Nguyễn Văn L, phải tiếp tục chịu lãi đối với khoản nợ chưa thanh toán theo mức lãi suất là 4,86%.

4. Về án phí:

- Ông Nguyễn Văn L phải chịu 112.740.748 đồng án phí dân sự sơ thẩm và không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng ông L đã nộp theo biên lai thu số 0017555 ngày 22/4/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự quận CG được đối trừ vào số tiền án phí ông L phải nộp, số tiền án phí ông L còn phải nộp là 112.440.748 đồng.

- Trả lại cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển N số tiền 59.000.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003590 ngày 07/08/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận CG, thành phố Hà Nội.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng

chế thi hành theo quy định các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai phúc thẩm, có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hà Nội;
- Tòa án nhân dân quận CG
- Chi cục THADS quận CG ;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Chí Anh

